|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TÂN HỒNG  **TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC-MNSC | *Tân Hồng, ngày tháng 5 năm 2022* |

BÁO CÁO

## Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW

**của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước**

*(Kèm theo Công văn số 631-CV/TU, ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)*

Thực hiện công văn số 187/PNV-HC ngày 15 tháng 4 năm 2022 của phòng nội vụ huyện Tân Hồng về việc báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp Hành Trung ương khoá X;

Trường Mầm non Sơn Ca báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước như sau:

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI, QUÁN TRIỆT VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN THỰC HIỆN**

Đơn vị đã triển khai, quán triệt đến tất cả cán bộ, giáo viên , nhân viên và cụ thể hóa các văn bản thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 52- KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27- NQ/TW về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 52-KL/TW.

Trên cơ sở đó, đề xuất những nội dung mới, các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả về công tác trí thức với sự nghiệp phát triển của đất nước.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

Đánh giá đúng thực tế, khách quan; kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm.

Đề xuất quan điểm, chủ trương; cơ chế, chính sách, nhiệm vụ mới và giải pháp khả thi cho từng giai đoạn phù hợp với xu thế, thực tiễn của tỉnh, của đất nước trong giai đoạn mới.

**1. Nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân về trí thức**

Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị đều nhận thức, ý thức về vai trò, trách nhiệm vị trí quan trọng của trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; ý thức học tập nâng cao trình độ, trách nhiệm của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển của địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên trong thời đại kinh tế - xã hội phát triển nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Do địa phương có xuất phát điểm kinh tế thấp, trình độ dân trí nhìn chung còn hạn chế, chất lượng lao động được cải thiện đáng kể nhưng phân bố không đều giữa các ngành, các lĩnh vực; phần lớn cơ sở vật chất thiết yếu cho sự phát triển chậm được đầu tư xây dựng.

**2. Thực trạng đội ngũ trí thức hiện có và phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức trong Tỉnh, đi đôi với thu hút lực lượng trí thức ngoài tỉnh**

Tất cả gáo viên, nhân viên của trường đều đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn.

Công tác đào tạo đại học, sau đại học với nghiên cứu khoa học; ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế, xã hội.

Tình hình xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức trước và sau khi có Nghị quyết (số lượng, trình độ, cơ cấu ngành nghề, độ tuổi, giới tính, phân bố…)

Tổng số Cán bộ giáo viên, nhân viên của trường là 23 người.

Cán bộ QL: 03 người.

Giáo viên: trong đó giáo viên chủ nhiệm lớp 15 giáo viên.

Nhân viên: 5 trong đó: 01 KT; 01 YTHĐ, 02 cấp dưỡng, 01 bảo vệ.

**3. Việc tạo điều kiện, môi trường phát huy tiềm năng của đội ngũ trí thức**

Nhà trường luôn tạo điều kiện để tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn được học tập và rút kinh nghiệm trong việc hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và nghiên cứu ứng dụng sư phạm đáp ứng yêu cầu thực tế ngành và của địa phương.

Tham gia các phong trào của ngành và địa phương tổ chức để cho tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên được học tập và rút kinh nghiệm.

Mở rộng hợp tác, giao lưu trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và nghệ thuật.

Xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện phục vụ dạy và học.

**4. Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với đội ngũ trí thức**

Được sự quan tâm phối hợp của các cấp chính quyền, địa phương.

Sự quan tâm của chính quyền về cơ chế, chính sách bảo đảm trọng dụng đội ngũ trí thức, huy động nguồn lực xã hội thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ; phong trào khởi nghiệp,….

**5. Công tác xây dựng, kiện toàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Tỉnh:** *Không có.*

**III.ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. **Ưu điểm:**

Được sự quan tâm phối hợp của các cấp chính quyền, địa phương.

Tất cả gáo viên, nhân viên của trường đều đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn.

Công tác đào tạo đại học, ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế, xã hội được hưởng ứng tốt.

**2.** **Hạn chế.**

Trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức  
nhìn chung còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập quốc  
tế hiện nay. Tác phong công tác, tinh thần kỷ luật, ý thức trách nhiệm của một số  
cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

Việc thu hút trí thức có năng lực, trình độ cao về công tác tại địa phương  
còn khó khăn.

**3. Nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế.**

Công tác tuyên truyền phải được tiến hành một cách thường xuyên, sâu  
rộng trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để các cấp, các ngành và mỗi  
người dân thực sự nhận thức rõ vai trò, vị trí của trí thức, xây dựng đội ngũ trí  
thức vững mạnh là góp phần trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của  
đất nước. Có như vậy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW  
mới thực sự hiệu quả.

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

Tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến tất cả tầng lớp trí thức, người dân các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 27-NQ/TW của Trung ương.

Qua đó, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị về vị trí, vai trò, trách nhiệm của trí thức đối với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh, củng cố hệ thống chính trị, nâng cao đời sống trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để trí thức phát huy hiệu quả năng lực, trí tuệ của bản thân, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:** *Không.*

## Trên đây là báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Trường Mầm non Sơn Ca.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - PGD-ĐT Tân Hồng;  - PNV Tân Hồng;  - Chi bộ: ( báo cáo);  - CB-GV-NV (th/h);  - Đăng Website của Trường;  - Lưu: VT, Nhung. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Ánh Tú** |

# PHỤ LỤC 1

## thống kê văn bản cấp tỉnh ban hành liên quan đến trí thức

**giai đoạn 2008 - 2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ quan ban hành** | **Tên văn bản** | **Ngày ban hành** |
| 1 | Tỉnh uỷ |  |  |
| 2 | Hội đồng nhân dân Tỉnh |  |  |
| 3 | Uỷ ban nhân dân Tỉnh |  |  |

**PHỤ LỤC 2**

**Báo cáo số lƣợng, chất lƣợng công chức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *2022* | *2008* | **Năm** | | | |
|  |  | **Tổng số** | | | |
|  |  | **Giáo dục** | | | **Chia theo lĩnh vực** |
|  |  | **Y tế** | | |
|  |  | **Văn hóa thể thao và**  **Thể dục thể thao** | | |
|  |  | **Khác** | | |
|  |  | **Tiến sĩ** | | **Chuyên môn** |  |
|  |  | **Thạc sĩ** | |
| **Chia theo trình độ đào tạo** |
|  |  | **Đại học** | |
|  |  | **Cao đẳng** | |
|  |  | **Còn lại** | |
|  |  | **Cử nhân** | | **Chính trị** |
|  |  | **Cao cấp** | |
|  |  | **Trung cấp** | |
|  |  | **Đại học** | | **Tin học** |
|  |  | **Chứng chỉ** | |
|  |  | **Đại học** | **Anh văn** | **Ngoại ngữ** |
|  |  | **Chứng chỉ** |
|  |  | **Đại học** | **Ngoại ngữ khác** |
|  |  | **Chứng chỉ** |
|  |  | **Dƣới 30** | | | **Chia theo độ tuổi** |
|  |  | **Từ 30 đến 50** | | |
|  |  | **Tổng số** | | **Trên 50 - 60** |
|  |  | **Trong đó Nữ 54 Nam 59** | |
|  |  | **Trên tuổi nghỉ hƣu** | | |
|  |  | **Đảng viên** | | | |
|  |  | **Phụ nữ** | | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2022 | 2008 | **Năm** | | | |
|  |  | **Tổng số** | | | |
|  |  | **Tiến sĩ** | | **Chuyên môn** | **CHIA THEO TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** |
|  |  | **Thạc sĩ** | |
|  |  | **Đại học** | |
|  |  | **Cao đẳng** | |
|  |  | **Trung cấp** | |
|  |  | **Còn lại** | |
|  |  | **Cao cấp** | | **Chính trị** |
|  |  | **Cử nhân** | |
|  |  | **Trung cấp** | |
|  |  | **Đại học** | | **Tin học** |
|  |  | **Chứng chỉ** | |
|  |  | **Đại học** | **Anh văn** | **Ngoại ngữ** |
|  |  | **Chứng chỉ** |
|  |  | **Đại học** | **NN khác** |
|  |  | **Chứng chỉ** |
|  |  | **Đại học trở lên** | | **Quản lý Nhà nƣớc** |
|  |  | **Chuyên viên cao cấp** | |
|  |  | **Chuyên viên chính** | |
|  |  | **Chuyên viên** | |
|  |  | **Dƣới 30 tuổi** | | | **CHIA THEO ĐỘ TUỔI** |
|  |  | **Từ 30 – 50 tuổi** | | |
|  |  | **Tổng số** | | **Trên 50 - 60** |
|  |  | **Trong đó nữ 54 nam 59** | |
|  |  | **Trên tuổi nghỉ hƣu** | | |
|  |  | **Đảng viên** | | | |
|  |  | **Phụ nữ** | | | |

# PHỤ LỤC 3

## thống kê kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ giai đoạn 2008 - 2022

1. **Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu phân theo lĩnh vực và loại hình nghiên cứu, từ năm 2008 - 2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực** | **Thực hiện** | **Nghiệm thu** |
| 1 | Lĩnh vực Khoa học nông nghiệp |  |  |
| 2 | Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ |  |  |
| 3 | Lĩnh vực Khoa học xã hội |  |  |
| 4 | Lĩnh vực Khoa học y, dược |  |  |
| 5 | Lĩnh vực Khoa học nhân văn |  |  |
| 6 | Lĩnh vực Khoa học tự nhiên |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |

1. **Kết quả nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ 2008 - 2022**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Kết quả nghiệm thu** | | | | **Tổng số nghiệm thu** |
| **Xuất sắc** | **Khá** | **Trung bình** | **Báo cáo** |
| 1 | 2008 |  |  |  |  |  |
| 2 | 2009 |  |  |  |  |  |
| 3 | 2010 |  |  |  |  |  |
| 4 | 2011 |  |  |  |  |  |
| 5 | 2012 |  |  |  |  |  |
| 6 | 2013 |  |  |  |  |  |
| 7 | 2014 |  |  |  |  |  |
| 8 | 2015 |  |  |  |  |  |
| 9 | 2016 |  |  |  |  |  |
| 10 | 2017 |  |  |  |  |  |
| 11 | 2018 |  |  |  |  |  |
| 12 | 2019 |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 13 | 2020 |  |  |  |  |  |
| 14 | 2021 |  |  |  |  |  |
| 15 | 2022 |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | |  |  |  |  |  |

1. **Thống kê số lƣợng các đề tài - dự án đã chuyển giao cho các đơn vị trong Tỉnh ứng dụng giai đoạn 2008 - 2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Lĩnh vực** | **Đơn vị tiếp nhận** | **Số lƣợng** |
| 1 | Lĩnh vực Khoa học nông nghiệp |  |  |
| 2 | Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ |  |  |
| 3 | Lĩnh vực Khoa học xã hội |  |  |
| 4 | Lĩnh vực Khoa học y, dược |  |  |
| 5 | Lĩnh vực Khoa học nhân văn |  |  |
| 6 | Lĩnh vực Khoa học tự nhiên |  |  |
| **Tổng số** | | |  |

**PHỤ LỤC 4**

**dự báo nhu cầu đào tạo đội ngũ trí thức trong các lĩnh vực theo các giai đoạn đến năm 2030**

**-----**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | | **2022 - 2025** | | | **2025 - 2030** | | |
| **CĐ** | **ĐH** | **ĐH+** | **CĐ** | **ĐH** | **ĐH+** |
| 1 | Ngành nông nghiệp | | | | | | |
| Cán bộ quản lý chuyên  môn kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |
| Lao động kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Ngành công nghiệp | | | | | | |
| Công nghiệp chế biến |  |  |  |  |  |  |
| Sản xuất và phân phối  điện, nước |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thương mại - dịch vụ | | | | | | |
| Bán buôn, bán lẻ, sửa  chữa ô tô, mô tô |  |  |  |  |  |  |
| Khách sạn và nhà hàng |  |  |  |  |  |  |
| Hoạt động phục vụ cá  nhân và cộng đồng |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Giao thông vận tải | | | | | | |
| Khối xây dựng cơ bản |  |  |  |  |  |  |
| Khối vận tải |  |  |  |  |  |  |
| Khối quản lý nhà nước |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giáo dục và đào tạo | | | | | | |
| Tiểu học + THCS |  |  |  |  |  |  |
| THPT |  |  |  |  |  |  |
| Trung tâm giáo dục  thường xuyên |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Y tế | | | | | | |
| Bác sĩ |  |  |  |  |  |  |
| Dược sĩ |  |  |  |  |  |  |
| Điều dưỡng, y tế công |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | cộng, y học cổ truyền,  hộ sinh |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thông tin và truyền  thông |  | | |  | | |
| 8 | Văn hóa, Thể dục thể thao và du lịch | | | | | | |
| Cấp tỉnh |  | | |  | | |
| Cấp huyện |  | | |  | | |
| 9 | Công chức hành chính |  |  |  |  |  |  |